

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **111/2019/HS-ST**
Ngày: 25/12/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Phương.

2. Ông Trần Văn Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1994, tại tỉnh Sóc Trăng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm N, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn C và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: Ngày 31/3/2017, bị công an xã L, huyện N xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 35/QĐ-XPVPHC, bị cáo M chưa nộp tiền phạt.

Ngày 15/8/2017, bị cáo M có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn /biện pháp quản lý tại gia đình theo Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 23/8/2017.

Tiền án: Ngày 09/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 08/2018/HS-ST, chấp

hành xong hình phạt tù ngày 10/12/2018.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2019 đến ngày 13/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Đến ngày 06/12/2019, bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: Phòng 5, cơ sở trọ T, ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 02/9/2019, Nguyễn Văn M là đối tượng nghiện ma túy đã đi bộ đến cơ sở trọ T, ấp 2, xã L, huyện N. Khi đi đến phòng số 5, phòng trọ của anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1998, nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện G, Tiền Giang, M thấy cửa phòng anh T chỉ khép hờ, không có ai trong phòng nên M đẩy cửa vào trong. Tại phòng trọ của anh T, M thấy có 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10, màu xanh nước biển để dưới nền nhà không có ai trông coi nên M đã lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại trên rồi mang về phòng trọ tại ấp 2, xã L cất giữ.

Đến khoảng 17 giờ ngày 03/9/2019, M đem điện thoại đã lấy được đi bộ đến ấp 3, xã L, huyện N thì gặp bạn tên N (chưa rõ nhân thân), M rủ N đi cầm cố điện thoại nhưng không nói cho N biết điện thoại do chiếm đoạt của người khác mà có. M và N đến tiệm cầm đồ T, ấp 2, xã L do anh Đinh Văn D, sinh năm 1991 làm chủ cầm cố được số tiền 1.500.000 đồng. M dùng số tiền đó tiêu xài cá nhân và sử dụng ma túy hết. Anh D không biết điện thoại do M chiếm đoạt của người khác mà có.

Khoảng 13 giờ ngày 05/9/2019, M gặp và thỏa thuận bán điện thoại trên cho một thanh niên tên T1 (chưa rõ nhân thân) ở xã B, huyện L1, Đồng Nai với giá 1.700.000 đồng. T1 cân trừ số tiền M đã thế chấp tại tiệm cầm đồ là 1.500.000 đồng và đưa lại cho M 200.000 đồng. M giao lại cho T1 biên nhận cầm đồ và T1 tự đến tiệm cầm đồ T gặp anh D chuộc điện thoại. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Công an xã L mời M đến làm việc và M đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá số 155/KLGD-HĐĐG ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 có giá trị sử dụng còn lại là 80%, trị giá là 2.480.000 đồng.

Tang vật của vụ án: Không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Huỳnh Minh T yêu cầu bị cáo M

phải bồi thường cho anh T số tiền 2.480.000 đồng (hai triệu, bốn trăm, tám mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 110/CT.VKS-NT ngày 20/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 18 đến 24 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo M phải bồi thường cho bị hại số tiền 2.480.000 đồng là giá trị tài sản chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10.

Đối với đối tượng tên Nhân đã có hành vi cùng M đi cầm điện thoại của anh T và đối tượng T1 đã có hành vi mua lại điện thoại của M, do chưa xác minh lai lịch nên cơ quan điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Đinh Văn D đã có hành vi nhận cầm cố chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 nhưng không biết được đó là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo M không có ý kiến gì đối về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Vào sáng ngày 02/9/2019, bị cáo Nguyễn Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 của anh Huỳnh Minh T trú tại cơ sở trọ T, ấp 2, xã L có giá trị 2.480.000 đồng. Sau khi bị mất tài sản, anh T đã trình báo công an xã L. Sau quá trình kiểm tra, trích xuất camera của dãy phòng trọ, đến khoảng 18 giờ ngày 05/9/2019, M bị công an xã L mời về trụ sở làm việc và M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Như vậy, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo đang có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng vẫn không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để cải tạo, rèn luyện bản thân. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự xử lý nghiêm, quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.480.000 đồng. Áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo M phải bồi thường cho anh T số tiền 2.480.000 đồng.

[8] Đối với đối tượng tên N đã có hành vi cùng M đi cầm điện thoại của anh T và đối tượng T1 đã có hành vi mua lại điện thoại của M, do chưa xác minh lai lịch nên cơ quan điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[9] Đối với anh Đinh Văn D đã có hành vi nhận cầm cố chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 nhưng không biết được đó là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2019 nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ trước đó từ ngày 06/9/2019 đến ngày 13/9/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường cho bị hại Huỳnh Minh T số tiền 2.480.000 đồng (hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang